TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2022/HNGĐ-PT Ngày 23-12-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Đức Hinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 90/2022/ST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng, có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 12/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị A; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh E – Luật sư Công ty luật G – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn H; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Ngân hàng I; địa chỉ trụ sở chính: Số 02 K, phường L, quận M, thành phố Hà Nội; địa chỉ Chi nhánh: Số 11 đường N thị trấn O, huyện D; Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thùy P - Chức vụ: Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 817 ngày 20/7/2022); vắng mặt

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, số 57 R, quận S, thành phố Hà Nội; địa chỉ Chi nhánh: Số 8 -10 T, quận U, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc V (Văn bản ủy quyền số 343 ngày 12/7/2022); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lưu Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện X (nay là huyện D), thành phố Hải Phòng ngày 10/4/1999. Sau cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn B, xã C, huyện D đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm Đoàn Thị Y sinh năm 2000, Đoàn Minh A' sinh năm 2002 và Đoàn Phương B' sinh năm 2014. Khi ly hôn chị nhận nuôi con Đoàn Phương B', yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng vào ngày 10 hàng tháng. Con Đoàn Thị Y và Đoàn Minh A' đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có tài sản chung là Quyền sử dụng đất diện tích 127m2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số E' tờ bản đồ G' tại xã C, huyện D (sau đây viết tắt là Thửa đất số 59B) đang thế chấp tại Ngân hàng I - Chi nhánh huyện D Bắc Hải Phòng, 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A C' đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, 01 xe máy nhãn hiệu Air Blade BKS 15C1 D' chị đang quản lý. Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp, ngày 12/9/2022 vợ chồng đã tất toán xong; ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp. Tại phiên tòa, chị A có quan điểm nhận sử dụng ô tô và xe máy, thanh toán cho anh H 200.000.000 đồng và có trách nhiệm trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 317.754.240 đồng; để anh H nhận nhà đất và thanh toán trị giá chênh lệch cho chị. Các khoản vay nợ khác của vợ chồng chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn H trình bày: Thừa nhận trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Chị A xin ly hôn, anh cũng đồng ý vì tình cảm không còn. Về con chung, anh cũng có nguyện vọng nuôi con Đoàn Phương B', không yêu cầu chị A cấp dưỡng; trường hợp chị A kiên quyết nhận nuôi con, anh cũng đồng ý và cấp dưỡng như yêu cầu trên của chị A. Con chung

Đoàn Thị Y và Đoàn Minh A’ đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng có tài sản chung và vay nợ chung như chị A trình bày. Anh đồng ý quan điểm để chị A nhận sử dụng ô tô và xe máy, chị A có trách nhiệm thanh toán cho anh 200.000.000 đồng và trả toàn bộ nợ Ngân hàng Tiên Phong số tiền 317.754.240 đồng; anh H đề nghị Tòa án chia nhà đất theo quy định của pháp luật. Đối với khoản tiền anh vay để nộp vào Ngân hàng I để giải chấp tài sản là Thửa đất số 59B, anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng I trình bày: Năm 2020 Ngân hàng cho anh H chị A vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 2102 ngày 15/7/2022. Tài sản thế chấp là Thửa đất số 59B. Sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 12/9/2022 chị A anh H đã tất toán xong khoản vay; Ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp. Ngân hàng đề nghị rút yêu cầu độc lập.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày: Năm 2019 Ngân hàng có cho anh H chị A vay 600.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 09/2019 ngày 08/5/2019 để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A 484.22. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A C’ mang tên anh H. Khoản nợ chưa quá hạn nhưng do vợ chồng ly hôn nên đề nghị anh H chị A trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 16/9/2022 là 317.754.240 đồng, trong đó nợ gốc là 316.862.891 đồng, nợ lãi 891.892 đồng. Trường hợp không trả được thì phát mại tài sản thế chấp. Trường hợp Tòa án phân chia tài sản, bên được chia xe ô tô phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 90/2022/ST-HNGĐ ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 29, 33, 37, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị A và anh Đoàn Văn H.

Về nuôi con chung: Giao con Đoàn Phương B’ sinh ngày 04/10/2014 cho chị Lưu Thị A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đoàn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Phương B’ với chị Lưu Thị A 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc

khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện đình kỳ vào ngày 10 hàng tháng.

Về tài sản chung:

- Chia cho chị Lưu Thị A 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A 484.22, 01 xe máy nhãn hiệu Air Blade BKS 15C1 D'. Chị Lưu Thị A có trách nhiệm trả nợ Thương mại Cổ phần Q số tiền 317.754.240 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 09/2019 ngày 08/5/2019 và có trách nhiệm thanh toán cho anh Đoàn Văn H số tiền 200.000.000 đồng.

- Chia cho anh Đoàn Văn H quyền sử dụng đất diện tích 127m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số E' tờ bản đồ G' tại xã C, huyện D; được Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận cho anh Đoàn Văn H và chị Lưu Thị A ngày 29 tháng 8 năm 2008; giấy chứng nhận số AL 929687. Anh Đoàn Văn H có trách nhiệm thanh toán trị giá chênh lệnh trị giá về tài sản được chia cho chị Lưu Thị A với số tiền 496.034.608 đồng.

Chị Lưu Thị A, anh Đoàn Văn H có trách nhiệm bàn giao giấy tờ về tài sản cho nhau và liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp chị Lưu Thị A không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A C'để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì chị Lưu Thị A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho chị Lưu Thị A.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 15.888.000 đồng đối với số tiền phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và 23.841.000 đồng đối với số tiền anh H chia cho; cộng thành 40.029.000 đồng; án phí của chị Lưu Thị A được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.460.000 đồng theo biên lai số 0004165 ngày 17 tháng 5 năm 2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; chị Lưu Thị A còn phải nộp 22.569.000 đồng. Anh Đoàn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, 10.000.000 đồng đối với số tiền do chị A thanh toán, 23.841.000 đối với số tiền được chia; cộng thành 34.141.000 đồng. Chị A không phải chịu án phí đối với số tiền 200.000.000 đồng thanh toán cho anh Luyên và trị giá xe ô tô, xe máy được chia; anh Luyên không phải chịu án phí đối với số tiền 496.034.608 đồng thanh toán cho chị A. Trả lại Ngân hàng I số tiền tạm ứng án phí 5.523.000 đồng theo biên lai số 0004256 ngày 05 tháng 8 năm 2022; trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 8.556.000 đồng theo biên lai số 0004253 ngày 03 tháng 8 năm 2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hải Phòng.

Về lãi suất chậm trả đối với khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về lãi suất chậm trả đối với khoản tiền thanh toán chênh lệch về tài sản: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2102 ngày 15/7/2022 do Ngân hàng I đã rút.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2022 anh Đoàn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung:

- Đề nghị trừ số tiền 120 triệu đồng anh đã trả nợ Ngân hàng TMCP Tiên Phong vào số nợ chung 317.754.240 đồng.

- Giao xe ô tô Innova (đang thế chấp tại ngân hàng) cho anh quản lý, sử dụng

- Khấu trừ số tiền bị đơn trả nợ Ngân hàng nông nghiệp là 230 triệu đồng để giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoản nợ chung của vợ chồng.

- Yêu cầu chia thửa đất số 59B tờ bản đồ số 17 tại xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khơi kiện, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Bở lẽ: Đối với yêu cầu trừ số tiền 120 triệu đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 230 triệu thanh toán cho Ngân hàng I: Quá trình chung sống cùng anh H, chị A nhiều lần phải đi vay tiền để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Anh chị cũng thống nhất anh H sử dụng xe là tài sản chung để làm ăn, khai thác có thu nhập để trả nợ Ngân hàng, còn chị Luyện lo các khoản chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình và học hành của các con. Do đó khoản tiền trả cho Ngân hàng là khoản thu nhập chung của hai vợ chồng. Việc anh H có ý kiến đây là khoản tiền riêng của anh và khấu trừ vào khoản nợ chung là không có căn cứ.

Đối với chiếc xe Innova: Tại cấp sơ thẩm, chị A và anh H thống nhất chị A sử dụng xe tô tô Innova và chiếc xe máy Airblade, có trách nhiệm trả nợ Ngân

hàng và trả cho anh H 200 triệu đồng. Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ quan điểm này. Trường hợp anh H không đồng ý thì đề nghị chia đôi, khoản nợ Ngân hàng từ sau khi xét xử sơ thẩm anh H vẫn sử dụng xe thì anh H có trách nhiệm trả nợ cho đến khi bàn giao xe cho chị A.

Đối với nhà đất: Diện tích đất tranh chấp có kích thước chỗ rộng nhất là 5,6m, chỗ hẹp nhất là 2,7m, không có lối đi nào khác, vợ chồng xây dựng toàn bộ công trình trên đất, nếu phá đi sẽ làm mất giá trị sử dụng, nên không thể chia bằng hiện vật được. Chị A không có nhu cầu sử dụng đất, anh H muốn sử dụng nhà đất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chia nhà đất cho anh H, chia xe Innova và xe Airblade cho chị A, việc thanh toán như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Khoản tiền 120 triệu trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 230 triệu trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là tiền riêng của anh, anh đề nghị khấu trừ vào khoản nợ chung. Chiếc xe Innova hiện anh sử dụng đi làm, lái xe thuê, nên đề nghị giao xe cho anh sử dụng. Đối với nhà đất đề nghị chia đôi nhà và đất, ai sử dụng phần nào thì tự phá nhà đi xây lại. Anh không đồng ý giao toàn bộ nhà và đất cho chị A vì nếu giao như vậy thì anh không có chỗ ở. Hiện nay cả ba con đang ở cùng với chị A, anh ở trên nhà đất này một mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đoàn Văn H và chị Lưu Thị A đã tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản là xe ô tô cho chị A, chị A có trách nhiệm trả anh H số tiền 200.000.000 đồng và tiền nợ còn lại với Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét thỏa thuận giữa anh H và chị A là tự nguyện và chấp nhận thỏa thuận trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh Đoàn Văn H đề nghị trừ số tiền 120.000.000đồng anh H đã trả nợ Ngân hàng TMCP Tiên Phong vào số nợ chung là 317.754.240 đồng và giao chiếc xe ô tô cho ông Luyện sử dụng là không có căn cứ chấp nhận. Đối với kháng cáo đề nghị khấu trừ số tiền anh H trả nợ Ngân hàng I là 230.000.000 đồng để giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoản nợ chung của vợ chồng: Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đoàn Văn H có quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết khoản tiền anh đã vay để nộp vào Ngân hàng I để giải chấp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định. Kháng cáo của anh H đối với nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu chia thửa đất số 59B tờ bản đồ số 17 tại xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng bằng hiện vật: Trên đất đã xây toàn bộ công trình (nhà 01 tầng),

chiều ngang diện tích đất có kích thước hẹp, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện 01 ngõ đi chung tiếp giáp dọc theo khu đất nhưng trên thực tế không sử dụng được vì là đất của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên cho anh H quản lý sử dụng, anh H có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về giá trị cho chị A là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của anh H không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Đoàn Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về vấn đề chia tài sản chung, nợ chung giữa anh H và chị A. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Đoàn Văn H có nơi cư trú tại huyện D, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do bản án sơ thẩm có kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng I vắng mặt; đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về việc định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc định giá đầy đủ các tài sản tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đề nghị định giá tài sản tranh chấp của nguyên đơn tại cấp phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bị đơn:

[4] Đối với yêu cầu trừ số tiền 120 triệu đồng anh Đoàn Văn H đã trả nợ Ngân hàng TMCP Tiên Phong vào số nợ chung 317.754.240 đồng: Tại cấp sơ thẩm, anh H đã thống nhất thỏa thuận: Anh đồng ý quan điểm để chị A nhận sử dụng ô tô và xe máy, chị A có trách nhiệm thanh toán cho anh 200.000.000 đồng và trả toàn bộ nợ Ngân hàng Tiên Phong số tiền 317.754.240 đồng. Các đương sự đều khẳng định: Từ sau khi mua chiếc xe ô tô Innova thì anh H là người sử dụng xe, anh làm lái xe và thu nhập hàng tháng từ việc sử dụng chiếc xe nêu trên. Chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng. Anh H không chứng minh được khoản tiền anh thanh toán nêu trên là tiền riêng của anh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận

yêu cầu kháng cáo đề nghị khấu trừ số tiền 120 triệu đồng vào khoản nợ Ngân hàng TMCP Tiên Phong là 317.754.240 đồng.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo khấu trừ số tiền bị đơn trả nợ Ngân hàng nông nghiệp là 230 triệu đồng để giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoản nợ chung của vợ chồng: Đối với khoản tiền anh vay để nộp vào Ngân hàng I để giải chấp tài sản là thửa đất số 59B, tại cấp sơ thẩm anh H không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do đó tại cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết. Trường hợp anh H có yêu cầu, anh có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo chia thửa đất số 59B tờ bản đồ số 17 tại xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng: Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị A và anh H, anh chị đều khẳng định: Trên diện tích đất tranh chấp, vợ chồng chị A, anh H đã xây nhà ở bao trùm lên toàn bộ diện tích đất. Diện tích đất nêu trên có chiều ngang phía trước là 5,6m, chiều hẹp nhất là 2,7m. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện phía bên cạnh thửa đất có ngõ đi, song ngõ đi này không phải là ngõ đi chung, mà là thuộc diện tích đất của người khác, nên không thể phân chia theo chiều ngang được. Trường hợp phân chia thì phải phá nhà đi. Hiện nay, anh H đang quản lý, sử dụng nhà đất; chị A không có nguyện vọng sử dụng nhà đất. Do đó, để đảm bảo công trình vật kiến trúc trên đất, đảm bảo công năng sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ nhà đất cho anh H quản lý sử dụng và anh H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho chị A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Tại cấp phúc thẩm, các đương sự thống nhất trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bố mẹ anh H cho vợ chồng khi vợ chồng kết hôn. Như vậy, xét về nguồn gốc tài sản thì anh H có đóng góp nhiều hơn vào khối tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, các đương sự không kháng cáo về nội dung này, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét, giải quyết.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo giao xe ô tô Innova (đang thế chấp tại ngân hàng) cho anh H quản lý, sử dụng: Tại phiên tòa sơ thẩm anh H thống nhất giao xe ô tô và xe máy cho chị A sử dụng. Tại cấp phúc thẩm Tòa án lấy lời khai anh H trường hợp anh nhận xe ô tô đề nghị anh giao nhà và đất cho chị A sử dụng, song anh không đồng ý vì lý do nếu giao nhà cho chị A thì anh không có chỗ ở, nếu giao xe thì anh không có phương tiện đi làm, anh vẫn kiên quyết được chia đôi nhà và được sử dụng xe. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao xe ô tô và chiếc xe máy cho chị A quản lý, sử dụng là có căn cứ và phù hợp. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của anh H.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự chỉ thỏa thuận phân chia đối với tài sản chung là xe máy, ô tô và nợ chung, còn việc chia nhà và đất các đương sự không thỏa thuận được. Theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh H và chị A vẫn phải chịu

án phí đối với việc chia toàn bộ tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại phần án phí như sau:

[9.1] Tổng giá trị tài sản mà chị A được chia là 15.000.000 đồng (xe máy) + 500.000.000 đồng (ô tô) + 496.034.608 đồng (nhà đất) – 317.754.240 đồng (trả Ngân hàng) – 200.000.000 đồng (trả anh H) = 493.280.368 đồng. Như vậy, án phí chị A phải chịu là: 23.731.215 đồng.

[9.2] Tổng giá trị tài sản mà anh H được chia là 496.034.608 đồng (nhà đất) + 200.000.000đ (chị A trả) = 696.034.607 đồng. Như vậy án phí anh H phải chịu là 31.841.384 đồng.

[9.3] Chị A và anh H phải chịu án phí đối với khoản nợ trả Ngân hàng mỗi người là 7.943.856 đồng. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[10] Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, căn cứ khoản 2 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản, sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và 227, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 29, 33, 37, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Văn H, sửa Bản án sơ thẩm số 90/2022/ST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng.

1. Về tài sản chung:

1.1. Chia cho chị Lưu Thị A 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A 484.22, 01 xe máy nhãn hiệu Air Blade BKS 15C1 D'. Chị Lưu Thị A có trách nhiệm thanh toán cho anh Đoàn Văn H số tiền 200.000.000 đồng.

Chia cho anh Đoàn Văn H quyền sử dụng đất diện tích 127m2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số E’ tờ bản đồ G’ tại xã C, huyện D; được Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận cho anh Đoàn Văn H và chị Lưu Thị A ngày 29 tháng 8 năm 2008; giấy chứng nhận số AL 929687. Anh Đoàn Văn H có trách nhiệm thanh toán trị giá chênh lệnh trị giá về tài sản được chia cho chị Lưu Thị A với số tiền 496.034.608 đồng.

Sau khi đối trừ các khoản tiền hai bên phải thanh toán cho nhau, anh Đoàn Văn H phải thanh toán cho chị Lưu Thị A 296.034.608 đồng.

Về lãi suất chậm trả đối với khoản tiền thanh toán chênh lệch về tài sản: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Lưu Thị A, anh Đoàn Văn H có trách nhiệm bàn giao giấy tờ về tài sản cho nhau và liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

1.2. Chị Lưu Thị A có trách nhiệm trả nợ Thương mại Cổ phần Q số tiền 317.754.240 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 09/2019 ngày 08 tháng 5 năm 2019.

Trường hợp chị Lưu Thị A không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 15A C’để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì chị Lưu Thị A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho chị Lưu Thị A.

Về lãi suất chậm trả đối với khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lưu Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 7.943.856 đồng đối với số tiền phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và 23.731.215 đồng đối với số tiền chia tài sản chung. Tổng cộng là 31.975.071 đồng. Chị Lưu Thị A được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.460.000 đồng theo biên lai số 0004165 ngày 17 tháng 5 năm 2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Chị Lưu Thị A còn phải nộp 14.515.071 đồng.

Anh H phải chịu: 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, 7.943.856 đồng đối với số tiền phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và 31.841.384 đồng đối với số tiền chia tài sản chung, tổng cộng là 40.085.240 đồng.

Trả lại Ngân hàng I số tiền tạm ứng án phí 5.523.000 đồng theo biên lai số 0004256 ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 8.556.000 đồng theo biên lai số 0004253 ngày 03 tháng 8 năm 2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hải Phòng.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đoàn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Đoàn Văn H 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004269 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thúy Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thúy Hà